TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÔNG CỐNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 15- 9- 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Sỹ Nghiêm

2. Ông Nguyễn Xuân Hùng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2023/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị L, sinh năm 1997

2. Bị đơn: Anh Trần Văn H, sinh năm 1993

Đều cùng địa chỉ: Tiểu khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa.

(Tại phiên tòa chị L có mặt, anh H vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Thị L trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Trần Văn H về chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 18/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường, thỉnh thoảng có xảy ra mâu thuẫn nhưng tự hòa giải đoàn tụ được. Đến tháng 8 năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng,

nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung. Do mâu thuẫn xảy ra trầm trọng, vợ chồng không thể hòa giải được nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay, vợ chồng bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn gia đình đã trầm trọng và không thể quay về chung sống đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn H.

- Về con chung: Chị và anh Trần Văn H có 01 con chung là Trần Phương Bảo N, sinh ngày 01/4/2020. Hiện nay cháu đang ở cùng chị L tại tiểu khu T, thị trấn C, cháu phát triển bình thường về thể lực và trí tuệ. Sau khi ly hôn chị xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Trần Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị Lê Thị L xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có thời gian tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99, ngày 18/11/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường. Đến tháng 8 năm 2021, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, một phần mâu thuẫn xuất phát từ việc anh chơi bời bài bạc làm ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi nhau. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải được nên đã sống ly thân từ năm 2021 cho tới nay, vợ chồng bỏ mặc nhau, không ai quan tâm đến ai. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị L.

- Về con chung: Anh và chị L có 01 con chung là Trần Phương Bảo N, sinh ngày 01/4/2020. Sau khi ly hôn anh xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con và anh không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh H đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ và hòa giải nhưng anh H không đến. Tòa án đã tiến hành tống đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho anh H tại nơi cư trú ở tiểu khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nhưng anh H đều vắng mặt nên Tòa án niêm yết toàn bộ văn bản tố tụng theo đúng trình tự thủ tục.

** Theo Biên bản xác minh ngày 08/8/2023 tại chính quyền địa phương:*

Anh Trần Văn H có đăng ký khẩu thường trú tại tiểu khu T, thị trấn C, huyện C. Tại thời điểm xác minh, anh H không có mặt tại nơi cư trú, thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Nơi ở của anh H không ổn định. Hiện nay anh H đang ở đâu chính quyền địa phương không nắm rõ, lúc thì ở thị trấn C, lúc thì ở xã V (quê của anh), có lúc liên lạc lại đang ở huyện X. Về những người thân thích

của anh H: Chính quyền địa phương cũng không nắm được vì anh H chuyển khẩu về nhà chị L ở từ năm 2019 đến nay.

Về hôn nhân giữa chị L và anh H thường xuyên xảy ra bất đồng, mâu thuẫn trong xây dựng kinh tế gia đình. Vợ chồng anh chị sống ly thân từ cuối năm 2021 cho đến nay. Chị L đang ở cùng với bố mẹ đẻ ở tiểu khu T, thị trấn C. Về con chung: Chị L và anh H có 01 con chung hiện nay cháu đang ở cùng chị L.

* *Tại phiên tòa:* Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H. Về con chung: Hiện nay chị làm nghề buôn bán, thu nhập trung bình mỗi tháng 7.000.000đ (Bảy triệu đồng). Hiện nay chị và con đang ở với bố mẹ đẻ của chị. Chị cam đoan đảm bảo điều kiện nuôi con nên chị xin được nuôi con và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống tại phiên tòa sơ thẩm:*

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tại Điều 48 và Điều 49 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Chị Lê Thị L đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, khoản 2 Điều 227 và Điều 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Trần Văn H chấp hành không đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật trong quá trình xây dựng hồ sơ, không có mặt tại phiên tòa, không có lý do chính đáng. Anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt là HĐXX) xét xử vắng mặt anh H theo khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

Về con chung: Giao cháu Trần Phương Bảo N, sinh ngày 01/4/2020 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên không xem xét

- Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị L khởi kiện xin ly hôn anh Trần Văn H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tiểu khu T, thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo khoản 1 Điều 28; Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Ngày 31 tháng 8 năm 2023, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng vắng mặt anh Trần Văn H nên HĐXX hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa anh Trần Văn H đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh H theo điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Thị L và anh Trần Văn H dựa trên cơ sở tự nguyện, quyết định. Đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 99 ngày 18/11/2019; vì vậy, đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, mặc dù vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hòa giải nhưng tình trạng mâu thuẫn vẫn không thể cải thiện được. Do mâu thuẫn trầm trọng nên anh chị sống ly thân từ tháng 8 năm 2021 cho đến nay. Vợ chồng mỗi người ở mỗi nơi, bỏ mặc nhau, không quan tâm đến nhau. Mặc dù nhiều lần Tòa án triệu tập anh chị đến Tòa án hòa giải, nhưng anh H đã cố tình vắng mặt, thể hiện anh H không tha thiết đoàn tụ gia đình. Xác định tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh H đã trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Chị L xin ly hôn, về phía anh H cũng đồng ý ly hôn. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị L được ly hôn anh H là phù hợp.

[2.2]. Về con chung: Chị Lê Thị L và anh Trần Văn H có 01 con chung là Trần Phương Bảo N, sinh ngày 01/4/2020. Chị L và anh H đều có nguyện vọng được chăm sóc, nuôi dưỡng con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. HĐXX xét thấy: Hiện nay cháu N đang ở cùng với chị L tại nhà ông bà ngoại ở tiểu khu T, thị trấn C, cháu còn nhỏ và là cháu gái nên cần sự chăm sóc tỉ mỉ của người mẹ. Chị L có nghề nghiệp và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện nuôi con. Về phía anh H nơi ở không ổn định, công việc không ổn định. HĐXX xét thấy để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu N cần giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên HĐXX không xem xét.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị L và anh H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Lê Thị L khởi kiện vụ án xin ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a

khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện, chị Lê Thị L được ly hôn anh Trần Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Phương Bảo N, sinh ngày 01/4/2020 cho chị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trần Văn H có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) chị L đã nộp tại Cơ quan Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0007341 ngày 17/7/2023; chấp nhận chị L đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị L, vắng mặt anh H. Chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Chi cục THADS huyện Nông Cống;
- UBND thị trấn C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trịnh Thị Hà